

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2784/QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng và Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 08 thủ tục hành chính mới ban hành và 06 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

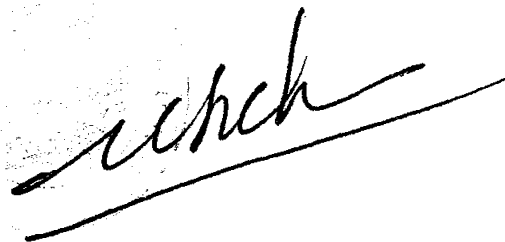
Bãi bỏ Quyết định số 1318/QĐ-BQP ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. HL

Nơi nhận:

- Đ/c Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;
- Đ/c Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;
- Đ/c Tổng Tham mưu trưởng - Thứ trưởng BQP;
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Quốc phòng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các Bộ: Công Thương, Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (63b);
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc BQP;
- Công TTĐT Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT, CCHC; T155.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Ngô Xuân Lịch

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
BỊ BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG
NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2784/QĐ-BQP ngày 13 tháng 7 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Bộ Quốc phòng**

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG			
1	Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu	Quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (VLNCN, TCTN)	Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (CNQP)
2	Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với đơn vị Quân đội không phải là doanh nghiệp phục vụ thi công các công trình quốc phòng, an ninh	Quản lý hoạt động VLNCN, TCTN	Tổng cục CNQP
3	Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn	Quản lý hoạt động VLNCN, TCTN	Tổng cục CNQP
4	Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp sau khi hết thời hạn	Quản lý hoạt động VLNCN, TCTN	Tổng cục CNQP
5	Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do bị mất hoặc cấp đổi do bị hư hỏng	Quản lý hoạt động VLNCN, TCTN	Tổng cục CNQP
6	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Quản lý hoạt động VLNCN, TCTN	Tổng cục CNQP
7	Thủ tục cấp Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Quản lý hoạt động VLNCN, TCTN	Bộ Tổng Tham mưu, cơ quan, đơn vị (không phải doanh nghiệp) trực thuộc BQP

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
8	Thủ tục điều chỉnh Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Quản lý hoạt động VLNCN, TCTN	Bộ Tổng Tham mưu, cơ quan, đơn vị (không phải doanh nghiệp) trực thuộc BQP

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG					
1	B-BQP-234247-TT (Quyết định số 1318/QĐ-BQP ngày 26/4/2013)	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Thông tư số 22/2013/TT-BQP ngày 11/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong Quân đội	Quản lý vật liệu nổ công nghiệp	Tổng cục CNQP
2	B-BQP-234256-TT (Quyết định số 1318/QĐ-BQP ngày 26/4/2013)	Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu		Quản lý vật liệu nổ công nghiệp	Tổng cục CNQP
3	B-BQP-234264-TT (Quyết định số 1318/QĐ-BQP ngày 26/4/2013)	Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp		Quản lý vật liệu nổ công nghiệp	Tổng cục CNQP
4	B-BQP-234279-TT (Quyết định số 1318/QĐ-BQP ngày 26/4/2013)	Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với đơn vị quân đội (không phải doanh nghiệp) phục vụ thi công các công trình quốc phòng		Quản lý vật liệu nổ công nghiệp	Tổng cục CNQP
5	B-BQP-234281-TT (Quyết định số 1318/QĐ-BQP ngày 26/4/2013)	Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn		Quản lý vật liệu nổ công nghiệp	Tổng cục CNQP

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
6	B-BQP-234283-TT (Quyết định số 1318/QĐ-BQP ngày 26/4/2013)	Thủ tục cấp phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Thông tư số 22/2013/TT-BQP ngày 11/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong Quân đội	Quản lý vật liệu nổ công nghiệp	Bộ Tổng Tham mưu, các tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, binh đoàn, BTL Bộ đội Biên phòng, BTL Thủ đô Hà Nội, BTL Cảnh sát Biển

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

Lĩnh vực quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu

a) Trình tự thực hiện

- Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (số 28A Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội);

- Tổng cục Công nghiệp quốc phòng thẩm định, cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời trong trường hợp không cấp.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (bản chính);

- Bản sao quyết định thành lập đơn vị hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực;

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với doanh nghiệp. Giấy xác nhận đủ điều kiện an toàn, an ninh do cơ quan bảo vệ an ninh cấp đối với đơn vị Quân đội không phải là doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công

công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp còn hiệu lực; bản sao văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đối với các nhiệm vụ khác cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Bản sao thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công;

- Thiết kế hoặc phương án nổ mìn được lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật phải có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý; đồng thời, thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải có phê duyệt của cơ quan cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Bản sao văn bản nghiệm thu hoặc kiểm tra định kỳ về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển;

- Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của chỉ huy đơn vị hoặc lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ (bảo vệ, bốc dỡ và vận chuyển tại kho, vị trí trung chuyển vật liệu nổ công nghiệp và tại khu vực nổ mìn); giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, thủ kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ;

- Bản sao giấy tờ chứng minh đã nộp tiền lệ phí thẩm định cấp phép theo quy định;

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp cơ quan có thẩm quyền cần kiểm tra thực tế hiện trường, kho vật liệu nổ công nghiệp.

- d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không cấp.
- h) Phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau:
- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hoạt động ngành, nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
 - Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
 - Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;
 - Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan;
 - Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
 - Quy mô sử dụng thuốc nổ trong 01 quý từ 500 kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;
 - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;
 - Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với đơn vị quân đội không phải là doanh nghiệp phục vụ thi công các công trình quốc phòng, an ninh

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (số 28A Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội);

- Tổng cục Công nghiệp quốc phòng thẩm định, cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời trong trường hợp không cấp.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Tổng cục Công nghiệp quốc phòng:

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (bản chính);

- Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, an toàn do cơ quan bảo vệ an ninh cấp (bản chính);

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị quân đội không phải doanh nghiệp.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không cấp.

h) Phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị quân đội sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau:

- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hoạt động ngành, nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử

dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan;

- Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Quy mô sử dụng thuốc nổ trong 01 quý từ 500 kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

3. Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (số 28A Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội);

- Tổng cục Công nghiệp quốc phòng thẩm định, cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời trong trường hợp không cấp.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Tổng cục Công nghiệp quốc phòng:

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (bản chính);

- Thiết kế hoặc phương án nổ mìn được lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ

khác theo quy định của pháp luật phải có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý; đồng thời, thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải có phê duyệt của cơ quan cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Bản sao văn bản nghiệm thu hoặc kiểm tra định kỳ về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển;

- Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của chỉ huy đơn vị hoặc lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ (bảo vệ, bốc dỡ và vận chuyển tại kho, vị trí trung chuyển vật liệu nổ công nghiệp và tại khu vực nổ mìn); giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, thủ kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ;

- Bản sao Giấy phép dịch vụ nổ mìn do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao hợp đồng dịch vụ nổ mìn giữa tổ chức, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ nổ mìn với tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

- Bản sao giấy tờ chứng minh đã nộp tiền lệ phí thẩm định cấp phép theo quy định;

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp cơ quan có thẩm quyền cần kiểm tra thực tế hiện trường, kho vật liệu nổ công nghiệp.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép dịch vụ nổ mìn do cơ quan có thẩm quyền cấp.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không cấp.

h) Phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu

nổ công nghiệp thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau:

- Được Bộ Công Thương cấp Giấy phép dịch vụ nổ mìn;
- Có hợp đồng dịch vụ nổ mìn ký với với tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;
- Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan;
- Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Quy mô sử dụng thuốc nổ trong 01 quý từ 500 kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;
- Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

4. Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp sau khi hết thời hạn

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (số 28A Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội);
- Tổng cục Công nghiệp quốc phòng thẩm định, cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời trong trường hợp không cấp.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Đối với đơn vị quân đội không phải là doanh nghiệp phục vụ thi công các công trình quốc phòng, an ninh:*

+ Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (bản chính).

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, an toàn do cơ quan bảo vệ an ninh cấp (bản chính);

+ Báo cáo kết quả sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn hiệu lực của giấy phép đã cấp lần trước;

+ Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

- *Đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn:*

+ Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (bản chính).

+ Báo cáo kết quả sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn hiệu lực của giấy phép đã cấp lần trước;

+ Thiết kế hoặc phương án nổ mìn được lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật phải có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý; đồng thời, thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải có phê duyệt của cơ quan cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

+ Bản sao văn bản nghiệm thu hoặc kiểm tra định kỳ về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

+ Bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển;

+ Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của chỉ huy đơn vị hoặc lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ (bảo vệ, bốc dỡ và vận chuyển tại kho, vị trí trung chuyển vật liệu nổ công nghiệp và tại khu vực nổ mìn); giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, thủ kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ;

- + Bản sao Giấy phép dịch vụ nổ mìn do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- + Bản sao hợp đồng dịch vụ nổ mìn giữa tổ chức, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ nổ mìn với tổ chức, cá nhân có nhu cầu;
- + Bản sao giấy tờ chứng minh đã nộp tiền lệ phí thẩm định cấp phép theo quy định;
- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.
- *Đối với các tổ chức, doanh nghiệp khác:*
- + Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (bản chính).
- + Báo cáo kết quả sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn hiệu lực của giấy phép đã cấp lần trước;
- + Bản sao quyết định thành lập đơn vị hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với doanh nghiệp. Giấy xác nhận đủ điều kiện an toàn, an ninh do cơ quan bảo vệ an ninh cấp đối với đơn vị Quân đội không phải là doanh nghiệp;
- + Bản sao Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp còn hiệu lực; bản sao văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đối với các nhiệm vụ khác cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- + Bản sao thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công;
- + Thiết kế hoặc phương án nổ mìn được lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật phải có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý; đồng thời, thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải có phê duyệt của cơ quan cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- + Bản sao văn bản nghiệm thu hoặc kiểm tra định kỳ về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- + Bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép

kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển;

+ Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của chỉ huy đơn vị hoặc lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ (bảo vệ, bốc dỡ và vận chuyển tại kho, vị trí trung chuyển vật liệu nổ công nghiệp và tại khu vực nổ mìn); giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, thủ kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh đã nộp tiền lệ phí thẩm định cấp phép theo quy định;

+ Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không cấp.

h) Phí: Theo quy định của Bộ Tài chính (không áp dụng đối với đơn vị quân đội không phải là doanh nghiệp phục vụ thi công các công trình quốc phòng, an ninh).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau:

- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hoạt động ngành, nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan;

- Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Quy mô sử dụng thuốc nổ trong 01 quý từ 500 kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

5. Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do bị mất hoặc cấp đổi do bị hư hỏng

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (số 28A Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội);

- Tổng cục Công nghiệp quốc phòng thẩm định, cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời trong trường hợp không cấp.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Tổng cục Công nghiệp quốc phòng;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại (hoặc cấp đổi) Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (bản chính);

- Bản sao giấy tờ chứng minh đã nộp tiền lệ phí thẩm định cấp phép theo quy định;

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không cấp.

h) Phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại (hoặc cấp đổi) Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bị mất hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

6. Thủ tục điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (số 28A Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội);

- Tổng cục Công nghiệp quốc phòng thẩm định, cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (điều chỉnh) cho tổ chức, doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời trong trường hợp không điều chỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Tổng cục Công nghiệp quốc phòng;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- *Đối với đơn vị quân đội không phải là doanh nghiệp phục vụ thi công các công trình quốc phòng, an ninh:*

+ Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (bản chính);

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, an toàn do cơ quan bảo vệ an ninh cấp (bản chính);

+ Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

- *Đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn*

+ Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (bản chính);

+ Thiết kế hoặc phương án nổ mìn được lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật phải có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý; đồng thời, thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải có phê duyệt của cơ quan cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

+ Bản sao văn bản nghiệm thu hoặc kiểm tra định kỳ về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

+ Bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển;

+ Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của chỉ huy đơn vị hoặc lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ (bảo vệ, bốc dỡ và vận chuyển tại kho, vị trí trung chuyển vật liệu nổ công nghiệp và tại khu vực nổ mìn); giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, thủ kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ;

+ Bản sao Giấy phép dịch vụ nổ mìn do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Bản sao hợp đồng dịch vụ nổ mìn giữa tổ chức, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ nổ mìn với tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh đã nộp tiền lệ phí thẩm định cấp phép theo quy định;

+ Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

- *Đối với tổ chức, doanh nghiệp khác:*

+ Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (bản chính);

+ Bản sao quyết định thành lập đơn vị hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với doanh nghiệp. Giấy xác nhận đủ điều kiện an toàn, an ninh do cơ quan bảo vệ an ninh cấp đối với đơn vị Quân đội không phải là doanh nghiệp;

+ Bản sao Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp còn hiệu lực; bản sao văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đối với các nhiệm vụ khác cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

+ Bản sao thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công;

+ Thiết kế hoặc phương án nổ mìn được lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật phải có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý; đồng thời, thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải có phê duyệt của cơ quan cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

+ Bản sao văn bản nghiệm thu hoặc kiểm tra định kỳ về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

+ Bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển;

+ Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của chỉ huy đơn vị hoặc lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ (bảo vệ, bốc dỡ và vận chuyển tại kho, vị trí trung chuyển vật liệu nổ công nghiệp và tại khu vực nổ mìn); giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, thủ kho vật liệu nổ công nghiệp, người phục vụ;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh đã nộp tiền lệ phí thăm định cấp phép theo quy định;

+ Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân

dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị quân đội không phải doanh nghiệp.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (đã điều chỉnh) hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không điều chỉnh.

h) Phí: Theo quy định của Bộ Tài chính (không áp dụng đối với đơn vị quân đội không phải là doanh nghiệp phục vụ thi công công trình quốc phòng, an ninh).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau:

- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hoạt động ngành, nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan;

- Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Quy mô sử dụng thuốc nổ trong 01 quý từ 500 kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

7. Thủ tục cấp Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng và các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ Quốc phòng làm đại diện chủ sở hữu nộp hồ sơ cho Bộ Tổng Tham mưu. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quân đội còn lại nộp hồ sơ cho cơ quan, đơn vị (không phải doanh nghiệp) trực thuộc Bộ Quốc phòng;

- Tổng Tham mưu trưởng cấp, điều chỉnh hoặc ủy quyền cho người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quyền dưới một cấp cấp, điều chỉnh Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho các doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng và các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ Quốc phòng làm đại diện chủ sở hữu. Người chỉ huy cơ quan, đơn vị (không phải doanh nghiệp) trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện hoặc ủy quyền cho người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quyền dưới một cấp cấp, điều chỉnh Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị cấp Mệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

- Bản sao hợp đồng mua bán hoặc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (trường hợp thực hiện vận chuyển nhiều lần, thì gửi một lần cho cả thời hạn thực hiện hợp đồng); bản sao văn bản cho phép thử nổ (trường hợp vận chuyển đi thử nổ) hoặc bản sao văn bản cho phép thu gom, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp (trường hợp vận chuyển thu gom đi hủy) hoặc bản sao quyết định cho phép thu hồi thuốc thải loại từ việc tiêu hủy đạn các loại (trường hợp tận thu thuốc thải loại) của cơ quan có thẩm quyền; văn bản xác nhận về điều kiện tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của cơ quan công an có thẩm quyền đối với trường hợp vận chuyển đến nơi tiếp nhận là kho của các tổ chức, doanh nghiệp không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tổng Tham mưu, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (không phải doanh nghiệp).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không cấp.

h) Phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp Mệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau:

+ Tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh hoặc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

+ Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

+ Người quản lý, người điều khiển phương tiện, áp tải và người phục vụ có liên quan đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

8. Thủ tục điều chỉnh Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

a) Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng và các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ Quốc phòng làm đại diện chủ sở hữu nộp hồ sơ cho Bộ Tổng

Tham mưu. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quân đội còn lại nộp hồ sơ cho cơ quan, đơn vị (không phải doanh nghiệp) trực thuộc Bộ Quốc phòng;

- Tổng Tham mưu trưởng điều chỉnh hoặc ủy quyền cho người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quyền dưới một cấp điều chỉnh Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho các doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng và các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ Quốc phòng làm đại diện chủ sở hữu. Người chỉ huy cơ quan, đơn vị (không phải doanh nghiệp) trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện hoặc ủy quyền cho người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quyền dưới một cấp điều chỉnh Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Tổng cục Công nghiệp quốc phòng:

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh Mệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

- Bản sao Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cần điều chỉnh nội dung;

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tổng Tham mưu, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (không phải doanh nghiệp).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (điều chỉnh) hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không điều chỉnh.

h) Phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau:

- Tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh hoặc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

- Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

- Người quản lý, người điều khiển phương tiện, áp tải và người phục vụ có liên quan đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng./.

Mẫu số 05. Giấy đề nghị cấp (cấp lại, cấp đổi, điều chỉnh) Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng:

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...(3).../...(4)...

...(5)...., ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp (cấp lại, cấp đổi, điều chỉnh) Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

Căn cứ Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày .../.../... của (cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng) về việc giao nhiệm vụ thi công công trình... (đối với trường hợp giao nhiệm vụ thi công công trình quốc phòng, an ninh);

Căn cứ vào Hợp đồng số ... giữa ...(2)... và đơn vị ... về việc thi công công trình... (đối với trường hợp nhận thầu thi công);

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số (đối với trường hợp khai thác khoáng sản);

Đề thực hiện (Quyết định, Hợp đồng, Giấy phép khai thác khoáng sản...),

..... (2).....

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Quyết định hoặc giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do cấp ngày .../.../.....

Đề nghị Tổng cục Công nghiệp quốc phòng xem xét và cấp (cấp lại, cấp đổi, điều chỉnh) Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp ... cho ...(2)..., như sau:

1. Chung loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp (6):

TT	Chung loại	ĐVT	Số lượng
1	Thuốc nổ...	kg	
2	Kíp nổ...	cái	
...	...		

2. Mục đích sử dụng (7):

3. Địa điểm sử dụng (8):

4. Thời gian: Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../.....

5. Lý do cấp lại, cấp đổi (đối với trường hợp cấp lại, cấp đổi do Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bị mất hoặc bị hư hỏng):

Đơn vị cam kết chấp hành nghiêm các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 và các quy định của pháp luật có liên quan./.

XÁC NHẬN CỦA (1b)

(Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc
phòng là cấp trên của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp
ký, đóng dấu ghi rõ quyền hạn, chức vụ, họ và tên)

.....(9).....

(Chữ ký, dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Khổ giấy A4 (210x297) mm.

- 1) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản trực tiếp;
- (2) Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- (3) Số và ký hiệu văn bản;
- (4) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;;
- (5) Địa danh ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đặt trụ sở chính;
- (6) Ghi rõ chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng;
- (7) Ghi rõ mục đích sử dụng, tên công trình thi công có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
- (8) Ghi rõ xã, huyện, tỉnh;
- (9) Quyền hạn, chức vụ người ký (Yêu cầu đối với doanh nghiệp: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, kỹ thuật).

Mẫu số 03. Văn bản đề nghị cấp Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng:

.....(1).....
..... (2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...(3).../...(4)....

...(5)...., ngày ... tháng ... năm 20...

V/v đề nghị cấp Mệnh lệnh vận chuyển
vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

Kính gửi:(1b).....

Căn cứ Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Kế hoạch số: ... ngày ... của ...(1)... về việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ năm ... được Tổng Tham mưu trưởng phê duyệt;

Căn cứ Hợp đồng số ... giữa ...(2) và ... về việc mua bán vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ vào Hợp đồng số ... giữa ...(2)... và đơn vị ... về việc thuê vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (*áp dụng trong trường hợp thuê vận chuyển*),

Để thực hiện hợp đồng nêu trên, ...(2)... đề nghị ...(1b)... xem xét cấp Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ như sau:

1. Chung loại, số lượng, nơi nhận, nơi giao:
2. Phương tiện vận chuyển, lái xe, áp tải:
3. Tuyến đường vận chuyển:

(*Trường hợp có nhiều chủng loại, nơi nhận, nơi giao, phương tiện vận chuyển, người điều khiển phương tiện, người áp tải, tuyến đường vận chuyển thì xây dựng thành phụ lục*)

4. Thời gian thực hiện từ (ngày/tháng/năm) đến (ngày/tháng/năm).

Đơn vị cam kết chấp hành nghiêm các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 85/2018/TT-BQP và các qui định của pháp luật có liên quan, bảo đảm an toàn./.

Nơi nhận:

.....(6).....

-;
- Lưu: VT, ...; S....

(Chữ ký, dấu, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục
CHI TIẾT VẬN CHUYỂN

(Kèm theo Công văn số: ...**(3)**.../**(4)**... ngày .../**(5)**/20... của ...**(2)**.....)

1. Số lượng, chủng loại, nơi nhận, nơi giao, phương tiện vận chuyển, người điều khiển phương tiện, người áp tải

TT	Chủng loại VLNCN, tiền chất thuốc nổ	ĐVT	Số lượng	Nơi nhận	Nơi giao	Biển kiểm soát Phương tiện	Người điều khiển phương tiện	Người áp tải
1								
2								

2. Tuyến đường vận chuyển

Ghi chú: Khổ giấy A4 (210x297) mm.

- (1) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản trực tiếp;
- (1b) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp Mệnh lệnh vận chuyển;
- (2) cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị cấp Mệnh lệnh vận chuyển;
- (3) Số và ký hiệu văn bản;
- (4) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị cấp Mệnh lệnh vận chuyển;
- (5) Địa danh ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đặt trụ sở chính;
- (6) Quyền hạn, chức vụ người ký (Giám đốc, Chỉ huy trưởng, Phó giám đốc kỹ thuật, kinh doanh, Chỉ huy phó phụ trách tham mưu);
- *Nơi nhận, nơi giao:* Ghi rõ kho chứa, xã, huyện, tỉnh;
- *Người điều khiển phương tiện, người áp tải:* Ghi họ và tên, cấp bậc (nếu có);
- *Tuyến đường vận chuyển:* Ghi rõ tên đường vận chuyển từ nơi nhận đến nơi giao.